

Bản án số: 303/2020/HSPT

Ngày: 18/6/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 978a/2019/TLPT-HS ngày 06 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và các bị cáo khác, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HSST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1987 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên Đ1 đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị T2; có vợ là Hoàng Thị T3 và có 01 con sinh năm 2019; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tùng L, tên gọi khác: Không, sinh năm 1989 tại huyện T, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKKTT: Tiểu khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Tổ C, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên Đ1 đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Nguyễn Đức T4 và bà Phạm Thị L1; có vợ là Nguyễn Phương T5 và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm T6, tên gọi khác: Không, sinh năm 1981 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: thợ sửa xe máy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức T7 và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Phan Thị L2 (đã ly hôn) và chưa có con; tiền sự: Ngày 12/11/2018 bị Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 98/QĐ-XPHC; tiền án: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:** Luật sư Trần Minh H1, Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T từ chối người bào chữa cho bị cáo.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tùng L:** Luật sư Đèo Văn H2, Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Phạm T6:** Luật sư Nguyễn Bá L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nợ nần, liên tục bị các chủ nợ thúc ép, Nguyễn Văn T gọi điện thoại cho Nguyễn Tùng L trước đây cùng công tác tại Phòng PC81 Công an tỉnh S, bàn bạc tìm cách đột nhập vào trụ sở các cơ quan trên địa bàn thành phố S để trộm cắp tài sản. L đồng ý và chọn mục tiêu là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. L nói với T trong kho có nhiều tiền, tài sản, ma túy là vật chứng của các vụ án, khi còn công tác, L đã có lần chuyển vật chứng vụ án và biết rõ vị trí kho vật chứng. Sau khi trao đổi, T rủ thêm Phạm T6 cùng tham gia.

Để thực hiện hành vi phạm tội, 03 lần vào cuối tháng 4/2018, đầu tháng 8/2018 và cuối tháng 10/2018, T và T6 đã đến thành phố S để T cùng L đi thị sát khu vực kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La, trong đó lần vào cuối tháng 4/2018, T mang theo 02 ba lô đựng gang tay, khẩu trang, mũ vải, giày, quần áo để hóa trang; 03 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màn hình đen trắng để liên lạc riêng với đồng bọn và kìm cọng lực mua tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đến để tại nhà L.

Khoảng 13h ngày 09/11/2018, T thông tin cho L chuẩn bị và nói nhờ Nguyễn Văn T8 thuê hộ xe ô tô và lái xe giúp T lên Sơn La để đòi nợ. T8 đồng ý và thuê xe ô tô nhãn hiệu INOVA BKS 30A - 020.14 của Công ty TNHH MTV T9 ở thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đến đón T tại nhà. T cầm 01 chiếc thang rút đựng trong túi vải màu đen và 01 bộ biển số xe ô tô 26A không nhớ các số sau do T nhặt ở bãi phế liệu thuộc xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc từ trước cho vào cốp xe ô tô. Sau đó đến đón T6 rồi đi ra ngã ba X theo Quốc lộ F lên Sơn La. Đến địa phận xã L, huyện V, tỉnh Sơn La (đoạn đường rẽ đi Quốc lộ F cũ), T bảo T8 đỗ xe lại và cùng T6 xuống xe lấy bộ biển số xe 26A mang theo dán đè lên biển số của xe ô tô BKS 30A - 020.14 nói là để tránh Cảnh sát giao thông

dừng xe, sau đó đi tiếp đến ngõ nhà L ở tổ C, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La.

Khoảng 24h, ngày 09/11/2018, T gọi điện thoại cho L đem theo ba lô đựng quần áo, giày, mũ, khẩu trang, găng tay, kim cộng lực do T chuẩn bị và để ở nhà L từ trước. Khoảng 15 phút sau, L đi xe máy nhãn hiệu YAMAHA Jupiter V BKS 26H3 - 0007 chở theo dụng cụ ra ngoài ngõ đưa cho T bỏ vào cốp sau xe ô tô. Cả bọn đi theo L và đến đỗ xe cách cổng Trường tiểu học N khoảng 50m. T đưa cho T8 01 chiếc điện thoại NOKIA màn hình đen trắng để liên lạc rồi cùng T6 lấy túi đựng thang, 02 ba lô đựng đồ để hóa trang và kim cộng lực xuống ô tô, lên xe máy do L điều khiển đi ra bờ kè suối N. Đến khu vực giáp Cục Thi hành án dân sự, L đỗ lại, dựng xe ở bờ kè, cả ba đi theo bậc bờ kè lên mô đất bờ nương thay quần áo, đi giày, găng tay và khẩu trang... Đến khoảng 03h, ngày 10/11/2018, thấy phòng bảo vệ của Cục Thi hành án dân sự tắt điện, cả bọn nhận định là bảo vệ đã đi ngủ, Khoảng 30 phút sau, T cầm thang đi trước, L cầm kim cộng lực còn T6 đeo ba lô theo sau. Khi áp sát bờ tường của Cục Thi hành án dân sự (*khu vực có Trạm biến áp*), T rút thang gác lên bờ tường và giữ thang để L lên trước rồi đến T6 và T. Do đã thống nhất trước nên T cảnh giới tại khu vực Trạm biến áp, L dẫn T6 đến thang cửa kho vật chứng ở tầng 01. Sau đó L giữ khóa, T6 dùng kim cộng lực cắt móc khóa, mở cửa kho đi vào lên tầng 02, đến thang cửa kho vật chứng và T6 lại dùng kim cắt móc khóa để cả hai đi vào bên trong. L đưa bao tải cho T6 cầm và mở nắp các hòm, lấy các hộp vật chứng bỏ vào bao tải và lấy 01 hộp bỏ vào ba lô khoác trên lưng đồng thời ôm thêm 01 hộp cùng T6 đi ra khỏi kho, đến chỗ Trạm biến áp đưa cho T mang ra ngoài. Sau đó, T, T6 và Lâm bê các hộp vật chứng ra chỗ L đỗ xe máy, để quên chiếc túi đựng thang và kim cộng lực ở ngoài tường khu Trạm biến áp. T ném thang rút xuống suối để phi tang và cùng T6 bê các hộp vật chứng ra chỗ xe ô tô Thực đang đỗ ở gần cổng Ủy ban nhân dân phường C rồi đi về ngõ nhà L. T bảo T8 chờ ở ngoài xe rồi gọi L ra cùng T6 bê các hộp vật chứng vào nhà L, mở ra thấy bên trong là các bánh Heroine, hồng phiến và 01 chiếc điện thoại đã được niêm phong, không có tiền, vàng. T, L và T6 thấy số ma túy lớn hoảng sợ, bàn nhau đem trả lại kho vật chứng nhưng chưa tính được trả lại bằng cách nào nên đã bỏ toàn bộ số ma túy chiếm đoạt được vào 01 hộp xộp, dán kín lại, dự định nếu không có cách nào trả lại số vật chứng đã chiếm đoạt thì ngày 12/11/2018 sẽ ra Cơ quan Công an tự thú.

T, L và T6 đã đem toàn bộ quần áo, khẩu trang, giày, mũ, găng tay, 03 chiếc điện thoại di động sử dụng để liên lạc với nhau, 01 chiếc điện thoại di động là vật chứng vừa chiếm đoạt và toàn bộ vỏ giấy gói vật chứng cho vào 02 bao tải chở đến lề đường Quốc lộ 6 (*khu vực kết nước*) thuộc địa phận tổ A, phường C, thành phố S châm lửa đốt để phi tang. Sau đó, T và T6 cho hộp xộp đựng ma túy lên xe ô tô, bảo T8 điều khiển đi về tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đường về theo Quốc lộ C khoảng 03km, T bảo T8 dừng xe và cùng T6 xuống tháo biển số 26A ném vào bụi cây, T8 tiếp tục lái xe, không ai nói chuyện liên quan đến việc chiếm đoạt chất ma túy. Về đến đoạn đầu đường đôi thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, thấy có một xe Taxi (không nhớ biển kiểm soát) đỗ ở lề đường, T

bảo T8 đỗ xe lại, cùng T6 xuống bê hộp xộp đựng ma túy sang xe Taxi. T bảo T8 đi trả xe rồi cùng T6 đi taxi về. Trên đường đi, T xin được 03 hộp xộp nhỏ ở quán cạnh đường, khi đến địa phận thôn C, xã Đ, T và T6 đem các hộp xộp lên đồi chia ma túy vào 03 hộp xộp, giấu 01 hộp vào bụi cây, 02 hộp còn lại đem chôn dưới đồi cây bạch đàn nhà anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1986 ở thôn C (cách nhà bố mẹ đẻ của T6 khoảng 150m).

Ngày 16/11/2018, Nguyễn Văn T đến Công an tỉnh S còn Nguyễn Tùng L đến Công an thành phố S tự thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, T giao nộp toàn bộ số ma túy đã chiếm đoạt. Ngày 20/11/2018, Phạm T6 đến Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm.

Tại Kết luận giám định số 14 ngày 26/11/2018, Phòng K Công an tỉnh S kết luận: “...*Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 3.471,21 gam Methamphetamine và 7.999,24 gam loại Heroine*”. Tổng khối lượng ma túy nêu trên phù hợp với số vật chứng của 05 vụ án mà Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La đã phối hợp với Cơ quan điều tra thống kê.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Sơn La cũng đã xác định giá trị chiếc điện thoại mà các bị cáo chiếm đoạt là 933.000 đồng (*Chín trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn*)”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS-ST ngày 23/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã áp dụng điểm h khoản 4 Điều 252; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, riêng bị cáo T được áp dụng thêm điểm r, v khoản 1 Điều 51, bị cáo L được áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Tùng L mỗi bị cáo 20 năm tù, bị cáo Phạm T6 18 năm tù về tội Chiếm đoạt chất ma túy. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định việc bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị phúc thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với cả 03 bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đêm ngày

09/10, rạng sáng ngày 10/10/2018, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Tùng L và Phạm T6 đã có hành vi lén lút đột nhập vào kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La chiếm đoạt 7.999,24 gam Heroine và 3.483,90 gam Methamphetamine và 01 chiếc điện thoại di động là vật chứng của 05 vụ án. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, thấy lượng ma túy chiếm đoạt quá lớn, các bị cáo đã lần lượt ra tự thú, đầu thú và giao nộp toàn bộ số ma túy đã chiếm đoạt. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử các bị cáo về tội “*Chiếm đoạt chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 252 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc tăng hình phạt đối với cả 03 bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Điểm h khoản 4 Điều 252 Bộ luật hình sự quy định, nếu khối lượng ma túy là heroine và methamphetamine chiếm đoạt từ 100 gam trở lên thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Trong vụ án này các bị cáo đã cùng nhau chiếm đoạt khối lượng ma túy đặc biệt lớn là 7.999,24 gam Heroine và 3.483,90 gam Methamphetamine, nếu chỉ căn cứ vào khối lượng ma túy chiếm đoạt thì các bị cáo phải bị xử phạt với mức hình phạt cao nhất là tù chung thân. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường, khắc phục hậu quả, gia đình các bị cáo đều là các gia đình có công với cách mạng; quá trình công tác bị cáo T và L đều có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng thưởng huy chương hoặc giấy khen; bị cáo T và L đều ra tự thú, bị cáo T6 đã ra đầu thú; đặc biệt là cùng với việc ra tự thú, các bị cáo đã giao nộp lại toàn bộ số ma túy đã chiếm đoạt là vật chứng của 05 vụ án khác, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng không những nhanh chóng phát hiện, điều tra, xử lý kịp thời tội phạm chiếm đoạt ma túy trong vụ án này mà còn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng thu hồi vật chứng để có căn cứ xử lý tội phạm ở các vụ án khác, cũng chính vì vậy sau khi có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, 03 cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm là Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã ký văn bản liên ngành giải trình và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã phân hóa vai trò, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của việc các bị cáo ra tự thú và giao nộp lại toàn bộ vật chứng để xử phạt bị cáo T và bị cáo L mỗi bị cáo 20 năm tù, bị cáo T6 18 năm tù cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo, vì vậy cần giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HSST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 252, các điểm b, r, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20 (hai mươi) năm tù về tội “Chiếm đoạt chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2018

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 252, các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng L 20 (hai mươi) năm tù về tội “Chiếm đoạt chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2018.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 252, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm T6 18 (mười tám) năm tù về tội “Chiếm đoạt chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2018.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án, ngày 18/6/2020.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền